

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp đại học và cấp bằng cho sinh viên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 29/NQ-HĐT ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Cần Thơ ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Cần Thơ;

Căn cứ Thông tư số 21/2019/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế quản lý bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, bằng tốt nghiệp trung cấp sư phạm, bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm, văn bằng giáo dục đại học và chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ đại học hình thức vừa làm vừa học, ban hành kèm theo Quyết định số 3796/QĐ-ĐHCT, ngày 06 tháng 10 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ;

Căn cứ Biên bản xét tốt nghiệp số 20/BB-ĐHCT, 21/BB-ĐHCT, 22/BB-ĐHCT, 23/BB-ĐHCT, 24/BB-ĐHCT ngày 19/10/2022, của Hội đồng xét và công nhận tốt nghiệp hệ VLVH năm 2022 của Trường Đại học Cần Thơ;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Liên kết Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận tốt nghiệp đại học và cấp bằng cho 128 sinh viên hình thức Vừa làm vừa học do Trường Đại học Cần Thơ đào tạo tại các đơn vị:

- Trung tâm Giáo dục Thường xuyên An Giang	10 sinh viên;
- Trường Cao đẳng Cộng đồng Đồng Tháp	01 sinh viên;
- Trường Cao đẳng Cộng đồng Cà Mau	08 sinh viên;
- Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ	19 sinh viên;
- Trường Đại học Cần Thơ	36 sinh viên;
- Trường Đại học Tiền Giang	26 sinh viên;
- Trường Cao đẳng Kiên Giang	12 sinh viên;
- Trường Đại học Kinh tế - Công nghiệp Long An	01 sinh viên;
- Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng	03 sinh viên;
- Trường Cao đẳng Vĩnh Long	02 sinh viên;
- Trường Cao đẳng Luật Miền Nam	10 sinh viên;

(Danh sách kèm theo)

Điều 2. Các chế độ, quyền lợi và nghĩa vụ của sinh viên tại Trường Đại học Cần Thơ được dùng kể từ ngày ký quyết định.

Điều 3. Các ông/bà Giám đốc Trung tâm Liên kết Đào tạo Trường Đại học Cần Thơ, Hiệu trưởng(Giám đốc) các đơn vị liên kết đào tạo thuộc điều 1, Trường khoa, các đơn vị có liên quan và các sinh viên có tên căn cứ quyết định thi hành ./.

Nơi nhận:

- Như điều 1;
- Các Khoa liên quan (để biết);
- Lưu: VT, TT.LKĐT/ĐHCT.


HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ
Trần Trung Tính

DANH SÁCH SINH VIÊN HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 9/2022

(Kèm theo Quyết định số: 4803 /QĐ-ĐHCT ký ngày 21 tháng 10 năm 2022)

Stt	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp	Tên ngành	Xếp loại
1	AG1832N316	Nguyễn Huỳnh Kha	25/07/1997		AG1832N1	Luật	Trung bình
2	AG1832N340	Nguyễn Thị Phương Kim	02/05/2000	N	AG1832N1	Luật	Trung bình
3	AG1832N349	Hồ Thanh Tuyền	12/08/1981	N	AG1832N1	Luật	Khá
4	AG1832N500	Trần Quốc Duẩn	29/09/1996		AG1832N1	Luật	Trung bình
5	AG1832N501	Phan Thị Hương Giang	16/03/1996	N	AG1832N1	Luật	Khá
6	AG1832N502	Nguyễn Xuân Hậu	24/12/1988		AG1832N1	Luật	Trung bình
7	AG1832N503	Huỳnh Thị Mỹ Hương	23/06/1988	N	AG1832N1	Luật	Trung bình
8	AG1832N505	Dương Thị Lụa	00/00/1984	N	AG1832N1	Luật	Trung bình
9	AG1832N506	Lê Văn Thanh	01/12/1995		AG1832N1	Luật	Trung bình
10	AG1832N507	Nguyễn Vũ Toàn	09/05/1997		AG1832N1	Luật	Trung bình
11	CD1732N546	Trần Minh Phương	00/00/1980		CD1732N2	Luật	Trung bình
12	CM1832N503	Tô Chí Cường	02/09/1998		CM1832N1	Luật	Trung bình
13	CM1832N504	Trương Hữu Đức	11/03/1994		CM1832N1	Luật	Trung bình
14	CM1832N505	Lê Hoàng Em	01/01/1983		CM1832N1	Luật	Trung bình
15	CM1832N513	Nguyễn Đức Mạnh	06/07/1993		CM1832N1	Luật	Khá
16	CM1832N521	Tăng Thị Bảo Tuyên	20/12/2000	N	CM1832N1	Luật	Trung bình
17	CM1832N526	Trần Văn Sến	06/09/1991		CM1832N1	Luật	Khá
18	CM1832N527	Võ Thân Mật	04/11/1999		CM1832N1	Luật	Trung bình
19	CM1932Q004	Đỗ Trung Hậu	05/06/1981		CM1932Q1	Luật	Khá
20	CT1332N604	Phạm Trần Phương Ngọc	20/12/1995	N	CT1332N2	Luật	Trung bình
21	CT1732N308	Phạm Tuấn Huy	24/02/1995		CT1732N1	Luật	Trung bình

Stt	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp	Tên ngành	Xếp loại
22	CT1732N332	Võ Hoàng Tú	02/03/1988		CT1732N1	Luật	Trung bình
23	CT1832N500	Nguyễn Hoàng Minh Anh	10/06/2000	N	CT1832N1	Luật	Trung bình
24	CT1832N504	Thạch Chiến	11/08/1994		CT1832N1	Luật	Khá
25	CT1832N506	Nguyễn Ngọc Cường	29/07/1989		CT1832N1	Luật	Khá
26	CT1832N509	Phan Hoàng Duy	25/11/1999		CT1832N1	Luật	Khá
27	CT1832N514	Tăng Đức Hiền	06/02/1991		CT1832N1	Luật	Khá
28	CT1832N515	Trương Phước Hữu	24/04/1989		CT1832N1	Luật	Trung bình
29	CT1832N517	Phan Trọng Khiêm	25/12/1993		CT1832N1	Luật	Trung bình
30	CT1832N518	Nguyễn Hào Kiệt	31/07/1995		CT1832N1	Luật	Khá
31	CT1832N520	Phạm Hồng Lam	09/02/1997	N	CT1832N1	Luật	Khá
32	CT1832N523	Nguyễn Gia Linh	09/11/1994	N	CT1832N1	Luật	Khá
33	CT1832N542	Nguyễn Thanh Bình	20/04/1992		CT1832N1	Luật	Khá
34	CT1832N543	Nguyễn Thành Cồn	20/04/1989		CT1832N1	Luật	Trung bình
35	CT1832N547	Nguyễn Duy Khang	07/06/1993		CT1832N1	Luật	Khá
36	CT1832N549	Phan Hồng Nga	26/12/1986	N	CT1832N1	Luật	Khá
37	CT1832N552	Lê Trần Quang Thái	02/06/1990		CT1832N1	Luật	Khá
38	CT19V1Q063	Nguyễn Thị Ngọc Hân	01/01/1978	N	CT19V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Trung bình
39	DC1432M512	Dương Văn Chánh	00/00/1995		DC1432M1	Luật	Trung bình
40	DC1432N526	Phạm Thị Diễm Phương	12/06/1992	N	DC1432N1	Luật	Trung bình
41	DC1532N506	Trần Minh Anh	18/02/1997	N	DC1532N1	Luật	Trung bình
42	DC1622N004	Nguyễn Phương Ngân	01/10/1997	N	DC1622N1	Quản trị kinh doanh	Trung bình
43	DC1622N038	Lâm Gia Hân	11/10/1997	N	DC1622N1	Quản trị kinh doanh	Trung bình
44	DC1632N026	Trần Ngọc	19/04/1988		DC1632N1	Luật	Trung bình
45	DC1720N511	Lý Thảo Ngân	27/02/1999	N	DC1720N1	Kế toán	Khá
46	DC1732N335	Trần Ngọc Mụi	11/11/1997	N	DC1732N2	Luật	Trung bình
47	DC1762H311	Trần Hoàng Nghĩa	25/01/1990		DC1762H1	Kỹ thuật công trình xây dựng	Khá

Stt	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp	Tên ngành	Xếp loại
48	DC1822N550	Nguyễn Chí Linh	19/09/1999		DC1822N1	Quản trị kinh doanh	Khá
49	DC1932H501	Nguyễn Yên Anh	25/12/1989	N	DC1932H1	Luật	Khá
50	DC1932H502	Trần Thị Phương Anh	14/08/1996	N	DC1932H1	Luật	Khá
51	DC1932H518	Phan Nguyễn Quế Phương	04/10/1984	N	DC1932H1	Luật	Trung bình
52	DC2020K002	Nguyễn Thị Kim Bông	24/10/1997	N	DC2020K1	Kế toán	Giỏi
53	DC2020K004	Đặng Ngọc Châu	16/04/1999	N	DC2020K1	Kế toán	Khá
54	DC2020K006	Đỗ Thùy Dung	18/02/1990	N	DC2020K1	Kế toán	Giỏi
55	DC2020K009	Đặng Công Định	13/05/1996		DC2020K1	Kế toán	Khá
56	DC2020K011	Nguyễn Thị Ngọc Được	29/10/1999	N	DC2020K1	Kế toán	Khá
57	DC2020K013	Đặng Thanh Hằng	11/10/1991	N	DC2020K1	Kế toán	Giỏi
58	DC2020K017	Lê Thị Tổ Huyền	26/06/1996	N	DC2020K1	Kế toán	Giỏi
59	DC2020K019	Nguyễn Khắc Lâm	20/10/1996		DC2020K1	Kế toán	Trung bình
60	DC2020K020	Ngô Thị Ngọc Lành	26/01/1999	N	DC2020K1	Kế toán	Khá
61	DC2020K024	Võ Văn Mạnh	09/02/1990		DC2020K1	Kế toán	Giỏi
62	DC2020K026	Võ Lê Hồng Mỹ	18/03/1996	N	DC2020K1	Kế toán	Xuất sắc
63	DC2020K029	Nguyễn Thị Trúc Ngân	04/06/1995	N	DC2020K1	Kế toán	Giỏi
64	DC2020K030	Lê Thị Mỹ Ngọc	30/12/1999	N	DC2020K1	Kế toán	Khá
65	DC2020K031	Trần Thị Tuyết Nhi	01/11/1999	N	DC2020K1	Kế toán	Khá
66	DC2020K033	Phạm Thị Diễm Phượng	06/04/1998	N	DC2020K1	Kế toán	Giỏi
67	DC2020K034	Nguyễn Thị Hồng Quyên	27/11/1995	N	DC2020K1	Kế toán	Khá
68	DC2020K035	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	20/11/1996	N	DC2020K1	Kế toán	Khá
69	DC2020K036	Phan Thị Phương Thảo	26/10/1990	N	DC2020K1	Kế toán	Khá
70	DC2020K043	Nguyễn Thị Trang	07/10/1999	N	DC2020K1	Kế toán	Khá
71	DC2020K047	Đặng Thị Xuyên	01/01/1995	N	DC2020K1	Kế toán	Khá
72	DC2020K049	Huỳnh Kim Thanh	02/09/1988	N	DC2020K1	Kế toán	Giỏi
73	DC2020K050	Trương Thị Tuyết Trinh	03/01/1982	N	DC2020K1	Kế toán	Trung bình

Stt	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp	Tên ngành	Xếp loại
74	DC2020K051	Lê Thị Thu Hào	08/10/1997	N	DC2020K1	Kế toán	Trung bình
75	DG1432M580	Nguyễn Trường Sơn	00/00/1978		DG1432M1	Luật	Trung bình
76	DG1832N501	Lê Văn Quang Anh	00/00/1972		DG1832N1	Luật	Trung bình
77	DG1832N504	Trần Khánh Duy	08/07/2000		DG1832N1	Luật	Khá
78	DG1832N507	Nguyễn Thiên Hân	03/07/1992	N	DG1832N1	Luật	Khá
79	DG1832N508	Lê Thanh Hòa	29/11/1980		DG1832N1	Luật	Khá
80	DG1832N509	Nguyễn Đỗ Nam Hưng	29/01/1997		DG1832N1	Luật	Khá
81	DG1832N512	Trần Thị Xuân Lan	03/01/1987	N	DG1832N1	Luật	Khá
82	DG1832N515	Nguyễn Thị Ý Nhi	15/02/1994	N	DG1832N1	Luật	Khá
83	DG1832N516	Ngô Thị Cẩm Nhung	00/00/1983	N	DG1832N1	Luật	Khá
84	DG1832N517	Phạm Thị Hồng Nhung	26/11/1992	N	DG1832N1	Luật	Khá
85	DG1832N518	Phan Thị Nhung	25/06/1988	N	DG1832N1	Luật	Khá
86	DG1832N520	Nguyễn Quốc Thanh	03/11/1992		DG1832N1	Luật	Khá
87	DG1832N521	Lê Cảnh Thơ	12/09/1993		DG1832N1	Luật	Khá
88	DG1832N522	Võ Thị Kim Thoa	25/10/1989	N	DG1832N1	Luật	Khá
89	DG1832N523	Nguyễn Ngọc Trâm	12/08/2000	N	DG1832N1	Luật	Khá
90	DG1832N525	Huỳnh Thụy Thùy Trang	25/02/1984	N	DG1832N1	Luật	Khá
91	DG1832N529	Nguyễn Thị Minh Ý	23/12/1997	N	DG1832N1	Luật	Khá
92	DG1832N530	Nguyễn Thị Kim Yến	17/01/1994	N	DG1832N1	Luật	Khá
93	DG1832N531	Nguyễn Hữu Vinh	23/11/1993		DG1832N1	Luật	Khá
94	DG1832N532	Phạm Thị Thùy Dương	27/02/1996	N	DG1832N1	Luật	Khá
95	DG1832N533	Nguyễn Trường Hận	15/11/1984		DG1832N1	Luật	Khá
96	DG1832N534	Nguyễn Thanh Hằng	20/11/2000	N	DG1832N1	Luật	Trung bình
97	DG1832N540	Nguyễn Văn Biết	00/00/1984		DG1832N1	Luật	Khá
98	DG1832N702	Nguyễn Thụy Yến Nhi	27/12/1993	N	DG1832N1	Luật	Khá
99	DG1832N708	Nguyễn Hoàng Quyên	02/01/2000	N	DG1832N1	Luật	Khá

Stt	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp	Tên ngành	Xếp loại
100	DG19V1H322	Nguyễn Tùng Lâm	29/07/1991		DG19V1H2	Ngôn ngữ Anh	Khá
101	KG1632Q042	Bùi Thị Trang	25/02/1990	N	KG1632Q1	Luật	Trung bình
102	KG1832N506	Nguyễn Huỳnh Chư	25/07/1996		KG1832N1	Luật	Khá
103	KG1832N522	Huỳnh Trương Hữu Phước	17/03/1985		KG1832N1	Luật	Khá
104	KG1832N524	Trương Thị Mỹ Phương	01/11/1999	N	KG1832N1	Luật	Khá
105	KG1832N527	Phan Thanh Sang	09/08/1982		KG1832N1	Luật	Khá
106	KG1832N529	Nguyễn Phước Tài	21/04/1980		KG1832N1	Luật	Khá
107	KG1832N536	Trần Trung Tín	04/12/1992		KG1832N1	Luật	Trung bình
108	KG1832N537	Nguyễn Nhật Toàn	19/04/2000		KG1832N1	Luật	Khá
109	KG1832N538	Dương Nguyễn Bảo Trân	01/10/2000	N	KG1832N1	Luật	Khá
110	KG1832N544	Lê Tiến Vũ	09/04/2000		KG1832N1	Luật	Trung bình
111	KG1832N551	Hóa Thanh Tùng	11/11/1984		KG1832N1	Luật	Trung bình
112	KG1932Q022	Huỳnh Kim Thủy	07/06/1980	N	KG1932Q1	Luật	Khá
113	LA1732H320	Huỳnh Anh Tuấn	28/08/1989		LA1732H1	Luật	Trung bình
114	ST1322M037	Hồ Thanh Thị Huyền Trân	07/06/1993	N	ST1322M1	Quản trị kinh doanh	Trung bình
115	ST1432P180	Nguyễn Tùng Lâm	30/12/1980		ST1432P3	Luật	Trung bình
116	ST1732N509	Đặng Trường Khánh	15/10/1998		ST1732N2	Luật	Trung bình
117	VL1832M342	Nguyễn Trọng Nghĩa	08/11/2000		VL1832M1	Luật	Khá
118	VL1832M350	Nguyễn Quốc Triều	14/03/1987		VL1832M1	Luật	Khá
119	VT1732N005	Đặng Thị Diễm Huỳnh	00/00/1994	N	VT1632M1	Luật	Khá
120	VT1932P301	Nguyễn Trung Hiếu	10/05/2000		VT1932P1	Luật	Khá
121	VT1932P302	Nguyễn Minh Hiếu	14/04/1990		VT1932P1	Luật	Khá
122	VT1932P303	Dương Quốc Hợp	12/03/1996		VT1932P1	Luật	Khá
123	VT1932P306	Huỳnh Minh Long	10/11/1981		VT1932P1	Luật	Khá
124	VT1932P308	Trần Mộng Luyến	09/05/1983		VT1932P1	Luật	Khá
125	VT1932P309	Nguyễn Thanh Mãi	01/01/1987		VT1932P1	Luật	Khá

Stt	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp	Tên ngành	Xếp loại
126	VT1932P310	Ngô Tuấn Mạnh	22/08/1997		VT1932P1	Luật	Khá
127	VT1932P311	Phan Văn Mau	17/06/1966		VT1932P1	Luật	Khá
128	VT1932P319	Trần Thị Ngọc Đăng	22/02/1998	N	VT1932P1	Luật	Khá

LẬP BẢNG


Võ Minh Trí

TL. HIỆU TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM LIÊN KẾT ĐÀO TẠO




Phạm Phương Tâm

